

ĐƯỜNG LỐI CHIẾN TRANH NHÂN DÂN CỦA ĐẢNG TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1954-1975)

PGS, TS TRẦN THỊ THU HƯƠNG

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

ThS TRẦN HỒNG QUYÊN

Học viện An ninh nhân dân

Ngày nhận:

31-12-2021

Ngày thẩm định, đánh giá:

25-3-2022

Ngày duyệt đăng:

5-4-2022

Tóm tắt: Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã “mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX”¹. Thắng lợi đó là thành quả thực hiện đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng dưới ánh sáng lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh - trở thành ngọn cờ tập hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, kết hợp yếu tố trong nước với quốc tế, để đi tới thắng lợi cuối cùng.

Từ khóa:

*Chiến tranh nhân dân;
chống Mỹ, cứu nước;
Đảng Lao động Việt Nam*

1. Bối cảnh lịch sử hình thành đường lối chiến tranh nhân dân trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

Từ giữa những năm 50 của thế kỷ XX, dân tộc Việt Nam đã phải đối mặt với những thách thức nghiêm trọng bởi tình hình trong nước và quốc tế. Sau khi thực dân Pháp thất bại trong cuộc chiến tranh xâm lược ở Đông Dương, Việt Nam đã trở thành nơi “thu hút sự quan tâm đặc biệt” đối với Mỹ; nơi “thử nghiệm sức sống tư tưởng và thể chế Mỹ ở các nước phát triển”. Với mưu đồ ấy, đế quốc Mỹ đã tiến hành xâm lược Việt Nam, một

cuộc chiến tranh mà “quy mô đau khổ và tàn phá vượt quá mọi lời lẽ”², như người Mỹ đã thừa nhận. Nhân dân Việt Nam phải trực tiếp đương đầu với một kẻ thù có tiềm lực kinh tế và quốc phòng mạnh hơn lực lượng của các nước đế quốc khác cộng lại³. Với mưu đồ và quyết tâm hòng biến miền Nam Việt Nam thành một thuộc địa kiểu mới của Mỹ, làm bàn đạp để tấn công các nước XHCN, ngăn chặn “làn sóng đỏ” tràn xuống Đông Nam Á, Mỹ có tới 6 đời tổng thống kế nhiệm nhau lập các kế hoạch chiến lược chiến tranh, chi phí gần 700 tỷ đôla, huy động tới 22.000 xí nghiệp, với



Thanh niên “Ba sẵn sàng” khu Đống Đa (Hà Nội) lên đường nhập ngũ, tháng 8-1964

gần 6 triệu công nhân công nghiệp, hơn 1/3 tổng số các nhà khoa học và 260 trường đại học tham gia vào việc nghiên cứu chiến lược chiến tranh, chế tạo, sản xuất các loại vũ khí và phương tiện chiến tranh; hơn 6,5 triệu lượt lính Mỹ tham chiến, 800.000 người trực tiếp tham chiến và hỗ trợ/tổng số 2.130.000 quân Mỹ vào những năm 1965-1970⁴. Mỹ đã huy động tới 70% lực lượng, 60% lính thủy đánh bộ, 40% hải quân và 60% không quân nước Mỹ, 6,5 triệu lượt thanh niên Mỹ trực tiếp tham gia chiến tranh⁵. Đây là cuộc chiến tranh kéo dài nhất, tốn kém nhất trong lịch sử nước Mỹ, chính vì vậy, ngay cả cựu Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Mỹ Mc. Namara, sau gần 30 năm im lặng cũng phải tự hỏi: “Những người cộng sự của tôi trong chính quyền Kennedí và Giônxon là một nhóm người đặc biệt... Tại sao nhóm người đó - những người giỏi nhất và thông minh nhất ấy... lại

mắc sai lầm về Việt Nam?... Chúng tôi mắc nợ các thế hệ tương lai trong việc giải thích tại sao lại sai lầm như vậy?”⁶.

Không chỉ phải đối mặt với những thách thức trước kẻ thù hung bạo, với tiềm lực kinh tế, quân sự khổng lồ, cách mạng Việt Nam còn phải đứng trước những vấn đề phức tạp của tình hình quốc tế, nhất là sự bất đồng trong nhận thức về đường lối, phương pháp tiến hành cách mạng của các nước lớn trong hệ thống XHCN. Những năm đầu bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, các nhà lãnh đạo Trung Quốc khuyên Việt Nam: “Trường kỳ mai phục, tích trữ lực lượng, liên hệ quần chúng, chờ đợi thời cơ”⁷. Mao Trạch Đông nêu rõ quan điểm: “Tình hình Việt Nam bị chia cắt không thể giải quyết được trong một thời gian ngắn mà cần phải trường kỳ..., nếu 10 năm chưa được thì phải 100 năm”⁸. Trong khi đó, các nhà lãnh đạo

Liên Xô, theo V.Gaiduk - nhà nghiên cứu của Tạp chí *Ngoại giao* Liên Xô, viết: “Trước năm 1964, Liên Xô chủ yếu vẫn là một quan sát viên trước những diễn biến ở Việt Nam. Với vai trò này đã phục vụ cho chiến lược cùng tồn tại hòa bình của Khrushchev với phương Tây và tránh những cuộc xung đột giống như cuộc khủng hoảng tên lửa ở Cuba năm 1962”⁹.

Trước những thách thức ngặt nghèo ấy, Đảng Lao động Việt Nam phải giải quyết một loạt vấn đề chiến lược đối với cách mạng Việt Nam: Làm thế nào để tập hợp toàn thể nhân dân đủ sức mạnh chống lại kẻ thù xâm lược? Làm thế nào tranh thủ đến mức cao nhất chỗ mạnh của ba dòng thác cách mạng? Làm thế nào giảm bớt đến mức thấp nhất những tác động tiêu cực trong phong trào cách mạng thế giới đối với cách mạng Việt Nam? Làm thế nào tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân thế giới chia mũi nhọn vào đế quốc Mỹ - kẻ thù chính của cách mạng thế giới và của cách mạng Việt Nam?

2. Đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng được hoạch định trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

Đường lối chiến tranh nhân dân được Đảng khởi xướng và lãnh đạo, trên cơ sở kế thừa truyền thống và kinh nghiệm đánh giặc giữ nước hàng ngàn năm của dân tộc, vận dụng sáng tạo quan điểm chiến tranh cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin và xuất phát từ thực tiễn tình hình đất nước - trên cơ sở so sánh tương quan lực lượng giữa ta và địch, khi bước vào cuộc chiến. Đó là đường lối chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh địch; tiến công địch một cách toàn diện, kết hợp chặt chẽ đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, kết hợp chặt chẽ giữa vũ trang khởi nghĩa với chiến tranh, kết hợp tiền tuyến lớn với hậu phương lớn; đánh địch lâu dài “vì đất ta hẹp, dân ta ít, nước ta nghèo,

ta phải chuẩn bị lâu dài và phải có sự chuẩn bị về toàn diện của toàn dân”¹⁰.

Trước khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, từ ngày 15 đến ngày 18-7-1954, tại Việt Bắc, HNTU 6 khóa II của Đảng đã họp dưới sự chủ trì của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người đọc bản báo cáo quan trọng về “Tình hình mới và nhiệm vụ mới”. Báo cáo khẳng định: “Hiện nay đế quốc Mỹ là kẻ thù chính của nhân dân thế giới và nó đang trở thành kẻ thù chính và trực tiếp của nhân dân Đông Dương, cho nên mọi việc của ta đều nhằm chống đế quốc Mỹ. Bất kỳ người nào, nước nào không thân Mỹ đều có thể làm mặt trận thống nhất (dù là tạm thời) với ta”¹¹. Do vậy, “Hiện nay, tình hình đã đổi mới, nhiệm vụ của ta do đó cũng thay đổi, chính sách và khẩu hiệu cũng phải thay đổi cho hợp với tình hình mới”¹². “Tranh lấy hòa bình không phải là một việc dễ, nó là cuộc đấu tranh trường kỳ, gian khổ, phức tạp”¹³. Để thực hiện nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, ngày 22-7-1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi cán bộ, đồng bào và chiến sĩ cả nước: “Trung Nam Bắc đều là bờ cõi của ta, nước ta nhất định sẽ thống nhất, đồng bào cả nước nhất định được giải phóng.

Đồng bào miền Nam kháng chiến trước hết, giác ngộ rất cao. Tôi chắc rằng đồng bào sẽ đặt lợi ích cả nước trên lợi ích địa phương, lợi ích lâu dài trên lợi ích trước mắt, mà ra sức cùng đồng bào toàn quốc phấn đấu để củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập, dân chủ trong toàn quốc. Đảng, Chính phủ và tôi luôn luôn theo dõi sự cố gắng của đồng bào và tin chắc đồng bào sẽ thắng lợi.

Đấu tranh để củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập, dân chủ cũng là một cuộc đấu tranh lâu dài và gian khổ”¹⁴.

Tiếp đó, ngày 5-9-1954, Bộ Chính trị họp và ra Nghị quyết “Về tình hình mới, nhiệm vụ mới

và chính sách mới của Đảng”. Nghị quyết nêu rõ nhiệm vụ chung của toàn Đảng trong giai đoạn mới là: *“đoàn kết và lãnh đạo nhân dân đấu tranh thực hiện Hiệp định đình chiến, đề phòng và khắc phục mọi âm mưu phá hoại Hiệp định đình chiến để củng cố hòa bình, ra sức hoàn thành cải cách ruộng đất, phục hồi và nâng cao sản xuất, tăng cường xây dựng quân đội nhân dân để củng cố miền Bắc, giữ vững và đẩy mạnh cuộc đấu tranh chính trị của nhân dân miền Nam, đặng củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập, dân chủ trong toàn quốc”*¹⁵.

Tại HNTU 7 (3-1955) khóa II và HNTU 8 (8-1955) khóa II, vấn đề mối quan hệ giữa cách mạng ở hai miền được Đảng xác định: muốn chống đế quốc Mỹ và tay sai, củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ, điều cốt lõi là phải ra sức củng cố miền Bắc, đồng thời giữ vững và đẩy mạnh cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam. Tháng 12-1957, tại HNTU 13 khóa II của Đảng, đường lối tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng được xác định: *“Mục tiêu và nhiệm vụ cách mạng của toàn Đảng, toàn dân ta hiện nay là: Củng cố miền Bắc, đưa miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội. Tiếp tục đấu tranh để thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, bằng phương pháp hòa bình”*¹⁶.

Trước yêu cầu thực tiễn cách mạng miền Nam, năm 1959, HNTU 15 (mở rộng) khóa II của Đảng ban hành Nghị quyết *“Về tăng cường đoàn kết, kiên quyết đấu tranh giữ vững hòa bình, thực hiện thống nhất nước nhà”*. Về nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam, Nghị quyết chỉ rõ: *“Hiện nay, cách mạng Việt Nam do Đảng ta lãnh đạo bao gồm hai nhiệm vụ chiến lược: cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. Hai nhiệm vụ chiến lược đó tuy tính chất khác nhau, nhưng quan hệ hữu*

*ơ với nhau... nhằm phương hướng chung là giữ vững hòa bình, thực hiện thống nhất nước nhà, tạo điều kiện thuận lợi để đưa cả nước Việt Nam tiến lên chủ nghĩa xã hội”*¹⁷. Nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là: *“giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam”*¹⁸. *“Con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân”*¹⁹. Nghị quyết HNTU 15 khóa II của Đảng là nghị quyết *“ý Đảng hợp với lòng dân”*, được cán bộ, nhân dân miền Nam đón nhận với tinh thần phấn khởi, tin tưởng và nhanh chóng biến thành các cuộc đấu tranh chính trị, có sự hỗ trợ vũ trang mạnh mẽ, tạo đà cho cuộc khởi nghĩa từng phần nổ ra ngày càng rộng lớn. Các căn cứ địa cách mạng tại chỗ được khôi phục và mở rộng; đường bộ 559, đường biển 759 được hình thành và phát huy tác dụng... Sự hỗ trợ kịp thời, hiệu quả của miền Bắc đã thúc đẩy cách mạng miền Nam phát triển; vượt qua thử thách nghiêm trọng nhất, từ thoái trào và giữ gìn lực lượng đã chuyển sang thế tiến công.

Đại hội III (9-1960) của Đảng là đại hội xác định đường lối cách mạng của Việt Nam khi bước sang giai đoạn lịch sử mới. Đại hội xác định nhiệm vụ chung của cách mạng Việt Nam là: *“Tăng cường đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh giữ vững hòa bình, đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đồng thời đẩy mạnh cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, thiết thực góp phần tăng cường phe xã hội chủ nghĩa và bảo vệ hòa bình ở Đông Nam Á và thế giới”*²⁰. Nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam là: *“Một là, tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở*

miền Bắc. Hai là, giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bọn tay sai, thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước”²¹. Mỗi quan hệ của cách mạng hai miền được xác định là: “Nhiệm vụ cách mạng ở miền Bắc và nhiệm vụ cách mạng ở miền Nam thuộc hai chiến lược khác nhau, mỗi nhiệm vụ nhằm giải quyết yêu cầu cụ thể của mỗi miền..., thực hiện mục tiêu chung trước mắt là hòa bình thống nhất Tổ quốc”²², nên “Hai nhiệm vụ chiến lược ấy có quan hệ mật thiết với nhau và có tác dụng thúc đẩy lẫn nhau”²³.

Đại hội III của Đảng đã hoàn chỉnh đường lối chiến lược chung của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới, với nội dung cơ bản là tiến hành đồng thời và kết hợp chặt chẽ hai chiến lược cách mạng khác nhau ở hai miền, nhằm thực hiện mục tiêu chung trước mắt của cả nước là giải phóng miền Nam, hòa bình thống nhất Tổ quốc. Đó là đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH. Nghị quyết Đại hội III của Đảng thể hiện rõ tư duy lý luận chiến lược về lãnh đạo, chỉ đạo cách mạng của Đảng. Đảng đã sớm xác định và chỉ rõ kẻ thù của dân tộc Việt Nam là đế quốc Mỹ và tay sai, sớm vạch ra một cách đúng đắn hai chiến lược cách mạng; khấn trương ổn định tình hình, củng cố miền Bắc làm hậu phương vững chắc, là trung tâm lãnh đạo, chỉ đạo cách mạng cả nước; vạch ra đường lối, phương pháp đấu tranh cách mạng đúng đắn, có lợi nhất, đưa đến cuộc đồng khởi vĩ đại, đánh thắng chiến lược đầu tiên của đế quốc Mỹ; giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa giải phóng miền Nam và xây dựng CNXH ở miền Bắc, giữa cách mạng Việt Nam với cách mạng quốc tế. Từ đây, đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng được cụ thể hóa vào từng giai đoạn của cuộc kháng chiến.

Bước sang năm đầu của thập kỷ 60 (thế kỷ XX), đế quốc Mỹ tăng cường viện trợ các

phương tiện chiến tranh, đưa cố vấn quân sự Mỹ vào miền Nam Việt Nam triển khai chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, Bộ Chính trị chủ trương chuyển từ khởi nghĩa sang chiến tranh cách mạng, từng bước đưa đấu tranh vũ trang lên cùng với đấu tranh chính trị. Tháng 10-1961, Trung ương Cục miền Nam được thành lập để trực tiếp chỉ đạo cách mạng miền Nam, đẩy mạnh xây dựng lực lượng cả quân sự lẫn chính trị trên cả ba vùng chiến lược. Thực hiện phương châm “hai chân, ba mũi, ba vùng” với nguyên tắc: “Đảng bám dân, dân bám đất, du kích bám địch”, phong trào đấu tranh dưới nhiều hình thức đã diễn ra sôi nổi, mạnh mẽ khắp miền Nam. Đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng giai đoạn này được vận dụng một cách sáng tạo, linh hoạt.

Các cuộc Hội nghị của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đầu năm 1961, năm 1962 đã phân tích, đánh giá tình hình ở miền Nam, nhấn mạnh giữ vững thế chiến lược tiến công của cách mạng miền Nam đã giành được từ sau phong trào Đồng Khởi, đưa đấu tranh vũ trang phát triển lên song song với đấu tranh chính trị, tiến công địch trên cả ba vùng chiến lược: đô thị, nông thôn đồng bằng và nông thôn rừng núi; bằng ba mũi giáp công: quân sự, chính trị và binh vận.

Tháng 12-1963, HNTU 9 khóa III của Đảng xác định những vấn đề quan trọng về đường lối cách mạng miền Nam và đường lối đoàn kết quốc tế của Đảng. Nghị quyết xác định: “*đấu tranh vũ trang đóng vai trò quyết định trực tiếp*”²⁴ thắng lợi trên chiến trường.

Tháng 9-1964, Bộ Chính trị họp và chủ trương giành thắng lợi quyết định ở miền Nam trong một vài năm tới, tăng cường sự chi viện của miền Bắc cho miền Nam. Như vậy, trước tình hình mới Đảng đã kịp thời chuyển cuộc đấu tranh cách mạng ở miền Nam từ khởi nghĩa từng phần lên

chiến tranh cách mạng; kết hợp nhuần nhuyễn giữa khởi nghĩa vũ trang với chiến tranh cách mạng; đưa cuộc chiến tranh của nhân dân ở miền Nam phát triển phù hợp với tình hình mới; đánh địch bằng cả quân sự và chính trị, bằng cả ba mũi giáp công; trên cả ba vùng chiến lược. Nhờ đó đã kim chế và làm phá sản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ-ngụy, buộc Mỹ phải chuyển sang chiến lược “Chiến tranh cục bộ”.

Đến đầu năm 1965, trước nguy cơ thất bại hoàn toàn của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, chính quyền của Tổng thống Mỹ Giôn-xơn quyết định đưa quân chủ lực Mỹ vào miền Nam Việt Nam, tiến hành chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam và mở cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân đánh phá miền Bắc Việt Nam, hòng ngăn cản sự chi viện từ Bắc vào Nam. Trước tình hình cách mạng miền Nam diễn biến hết sức phức tạp, vận mệnh dân tộc đứng trước những thách thức nghiêm trọng, Đảng vẫn kiên định lập trường, lãnh đạo nhân dân kiên quyết kháng chiến. Ngày 25-3-1965, HNTƯ 11 khóa III của Đảng nêu rõ: “*Ra sức tranh thủ thời cơ, tập trung lực lượng của cả nước giành thắng lợi quyết định ở miền Nam trong thời gian tương đối ngắn, đồng thời chuẩn bị sẵn sàng đối phó và quyết thắng cuộc chiến tranh cục bộ ở miền Nam nếu địch gây ra*”²⁵. HNTƯ 12 (12-1965) khóa III của Đảng hạ quyết tâm chiến lược: “*Động viên lực lượng của cả nước, kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất cứ tình huống nào, để bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà*”²⁶. Trên thực tế, qua các nghị quyết của HNTƯ 11 (3-1965) và HNTƯ 12 (12-1965), Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã *phát động cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước* trên phạm vi cả nước và

xác định *đường lối cho cuộc kháng chiến*. Đó là *đường lối chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính* trong hoàn cảnh khác trước, cơ sở để Đảng lãnh đạo đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đi tới thắng lợi vẻ vang. Từ quyết tâm ấy, Đảng tiếp tục phát động và đưa cuộc chiến tranh nhân dân lên một bước phát triển cao hơn, lấy tư tưởng chiến lược cách mạng tiến công làm nền tảng, đó là: *kết hợp chặt chẽ chiến tranh du kích với chiến tranh chính quy; tiến công địch bằng cả chính trị, quân sự, ngoại giao; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; đánh địch trên khắp ba vùng chiến lược (rừng núi, nông thôn đồng bằng và đô thị); tiến công kiên quyết, liên tục từ nhỏ đến lớn, từ cục bộ lên toàn bộ...*

Đến năm 1967, khi quân Mỹ bị động lúng túng trên chiến trường miền Nam, ngày 28-1-1967, HNTƯ 13 khóa III của Đảng quyết định mở mặt trận ngoại giao nhằm tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế, phát huy sức mạnh tổng hợp, hỗ trợ cho đấu tranh chính trị và quân sự của quân và dân ta trong cuộc kháng chiến.

Tháng 1-1968, HNTƯ 14 khóa III của Đảng họp, thông qua nghị quyết của Bộ Chính trị quyết định thực hiện *Tổng công kích - Tổng khởi nghĩa* để giành thắng lợi quyết định cho sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Đảng vạch rõ: “*Nhiệm vụ trọng đại và cấp bách của ta trong thời kỳ mới là động viên những nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ở cả hai miền, đưa cuộc chiến tranh cách mạng của ta lên bước phát triển cao nhất, dùng phương pháp tổng công kích và tổng khởi nghĩa để giành thắng lợi quyết định*”²⁷. Đảng đã lựa chọn hướng tiến công không phải là rừng núi và nông thôn mà là đô thị, trọng điểm là Sài Gòn, Đà Nẵng, Huế, nơi địch đang sơ hở... Đồng thời dự kiến các khả năng và quyết định

Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968. Điều này thể hiện rõ tư duy quyết đoán, sáng tạo và cách đánh mới rất bất ngờ, đầy hiệu lực của Đảng. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968 đã buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh, chấm dứt không điều kiện việc ném bom và đánh phá (lần thứ nhất) trên toàn bộ miền Bắc (ngày 1-11-1968), đánh dấu sự phá sản hoàn toàn của chiến lược “Chiến tranh cục bộ”.

Sau khi chiến lược “Chiến tranh cục bộ” thất bại, đế quốc Mỹ đã chuyển sang chiến lược mới, một mặt tăng cường viện trợ của quân đội Việt Nam Cộng hòa, xây dựng về mọi mặt, đồng thời tiến hành các cuộc hành quân càn quét và thực hiện chương trình bình định. Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hòa coi chương trình bình định là biện pháp, mục đích của “Việt Nam hóa chiến tranh”. Đồng thời, Mỹ tìm cách mở rộng chiến tranh trên bán đảo Đông Dương, cô lập và bóp nghẹt làm cho cuộc chiến tranh cách mạng ở miền Nam Việt Nam tự tàn lụi dần.

Tháng 1-1970, HNTU 18 khóa III của Đảng đề ra nhiệm vụ trước mắt là: đẩy mạnh cuộc kháng chiến trên tất cả các mặt, vừa tấn công, vừa xây dựng lực lượng, giành thắng lợi từng bước đi lên giành thắng lợi quyết định²⁸. Ngày 19-6-1970, Bộ Chính trị ra Nghị quyết “Về tình hình mới trên bán đảo Đông Dương và nhiệm vụ mới của chúng ta”. Nghị quyết nêu rõ: “Động viên sự nỗ lực cao nhất của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân cả hai miền nước ta, tăng cường khối đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương... chống đế quốc Mỹ và tay sai”²⁹.

Đầu năm 1972, Bộ Chính trị và Thường vụ Quân ủy Trung ương thông qua kế hoạch cuộc tiến công Xuân - Hè 1972. Ngày 30-3-1972, ta mở cuộc tiến công Xuân - Hè trên toàn miền Nam. Cùng với chiến trường chính là Trị Thiên,

quân và dân ta đồng loạt tiến công địch ở Tây Nguyên và Đông Nam Bộ. Trên chiến trường Lào và Campuchia, ta và bạn giành thắng lợi lớn, giải phóng Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng ở Lào và mở rộng vùng giải phóng 10 tỉnh ở Campuchia.

Cùng với thắng lợi ở miền Nam, nhân dân miền Bắc đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mỹ, lập nên một chiến công lịch sử “Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không” qua 12 ngày đêm (cuối tháng 12-1972) buộc Mỹ phải trở lại bàn đàm phán để ký kết Hiệp định Paris.

Cuộc đấu tranh ngoại giao trên bàn Hội nghị Paris kéo dài 4 năm 9 tháng với 202 phiên họp công khai, 45 cuộc gặp riêng cấp cao. “Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam” đã được ký kết ngày 27-1-1973. Mỹ cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam; rút hết quân Mỹ và quân đồng minh ra khỏi miền Nam Việt Nam. Thắng lợi tại Hội nghị Paris đã mở ra thời cơ lớn cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Sau khi Hiệp định Paris được ký kết, tháng 7-1973, HNTU 21 khóa III của Đảng ra Nghị quyết “Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và nhiệm vụ của cách mạng miền Nam Việt Nam trong giai đoạn mới”. Nghị quyết khẳng định: “*Con đường của cách mạng miền Nam là con đường bạo lực cách mạng. Bất kể trong tình hình nào, ta cũng phải nắm vững thời cơ, giữ vững đường lối chiến lược tiến công và chỉ đạo linh hoạt để đưa cách mạng miền Nam tiến lên*”³⁰. Thực hiện Nghị quyết HNTU 21 khóa III của Đảng, cả miền Nam và miền Bắc đều thi đua chiến đấu và lao động sản xuất với tinh thần giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Sau một thời gian chuẩn bị, từ ngày 30-9-1974 đến ngày 8-10-1974, Bộ Chính trị họp bàn về chủ trương giải phóng miền Nam. Tại Hội

ng nghị này, Bộ Chính trị đã phê chuẩn kế hoạch giải phóng miền Nam trong hai năm và kế hoạch tác chiến năm 1975. Tiếp đó, từ ngày 8-12-1974 đến ngày 7-1-1975, Bộ Chính trị tiếp tục họp (lần 2). Kết thúc Hội nghị, Bộ Chính trị chỉ rõ: “Năm vững thời cơ lịch sử, mở nhiều chiến dịch tổng hợp liên tiếp, đánh những trận quyết định, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ”³¹.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân năm 1975 là trận quyết chiến chiến lược vĩ đại của quân dân Việt Nam, diễn ra liên tục suốt 55 ngày đêm, trên toàn chiến trường miền Nam, trong đó trung tâm của toàn bộ tiến công là ba đòn tiến công chiến lược. Đại thắng mùa Xuân năm 1975 là thành quả vĩ đại của nhân dân Việt Nam, thể hiện ý chí, khát vọng độc lập, thống nhất Tổ quốc trong thời đại Hồ Chí Minh. Với đường lối chiến tranh nhân dân, Đảng đã huy động được cao nhất sức mạnh của cả nước, bao gồm cả sức mạnh vật chất và sức mạnh chính trị-tinh thần, sức mạnh truyền thống yêu nước nồng nàn của đất nước ngàn năm văn hiến, kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh của thời đại cho cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược lâu dài, cam go, quyết liệt. Đúng như đồng chí Phạm Văn Đồng đã đúc kết: “Hiếm có ở nơi đâu, chiến tranh nhân dân trong thực tế lại đúng với tên gọi của nó như vậy, thực sự sâu rộng trong nhân dân và thực sự vô địch như nhân dân... Vì vậy, cống hiến lớn nhất của Hồ Chí Minh vào lý luận về phương pháp cách mạng chính là lý luận về chiến tranh nhân dân”³².

Trước những vận hội mới nhưng cũng không ít những thách thức đang đặt ra cho quá trình lãnh đạo cách mạng trong giai đoạn hiện nay, hơn lúc nào hết những bài học lịch sử về đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước cần được phát huy cao độ nhằm thực hiện thành công sự

ng nghiệp đổi mới, xây dựng đất nước ngày càng phồn vinh, hạnh phúc.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2004, T. 37, tr. 471

2. George C. Hering: *Cuộc chiến tranh dài ngày nhất của nước Mỹ*, Nxb CTQG, H, 1998, tr. 73

3. Tổng sản phẩm xã hội của Mỹ thời kỳ xâm lược Việt Nam năm 1960: 510 tỷ đôla; năm 1968: 830 tỷ đôla; năm 1975: 1.600 tỷ đôla

4. Ban Chi đạo Tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị: *Chiến tranh cách mạng Việt Nam 1945-1975. Thắng lợi và bài học*, Nxb CTQG, H, 2000, tr. 489

5. Ban Chi đạo Tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị: *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước: Thắng lợi và bài học*, Nxb CTQG, H, 1995, tr. 312

6. Mc. Namara: *Nhìn lại quá khứ, tấn thảm kịch và những bài học về Việt Nam*, Nxb CTQG, H, 1995, tr.11-12

7, 8. *Sự thật về quan hệ Việt Nam - Trung Quốc trong 30 năm qua*, Nxb ST, H, 1979, tr. 40, 39

9. Ilia V. Gaiduk: *Liên bang Xô viết và chiến tranh Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, H, 1998, tr. 8

10. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 7, tr. 30
11, 12, 13, 14, 15. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2001, T. 15, tr. 172, 167, 169, 229-230, 287

16. *Sđđ*, 2002, T. 18, tr. 772

17, 18, 19. *Sđđ*, 2002, T. 20, tr. 62, 81, 82

20, 21, 22, 23. *Sđđ*, 2002, T. 21, tr. 918, 916, 917, 916

24. *Sđđ*, 2003, T. 24, tr. 831

25, 26. *Sđđ*, 2003, T. 26, tr.109, 634

27. *Sđđ*, 2004, T. 29, tr.50

28, 29. *Sđđ*, 2004, T. 31, tr.112, 238-239

30. *Sđđ*, 2004, T. 34, tr. 232

31. *Sđđ*, 2004, T. 36, tr. 6

32. Phạm Văn Đồng: *Hồ Chí Minh: Một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp*, Nxb ST, H, 1990, tr. 42.